

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Mẫn**

2. Ông **Hà Bửu Khánh**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh K: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh V1.

2. *Bị đơn*: Chị **Lê Thị Trúc M**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 154, tổ 6, khu phố Q, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

(Anh T, chị M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:***

Anh và vợ anh Lê Thị Trúc M cưới nhau vào năm 2023, trước khi cưới cả hai có tự tìm hiểu nhau, nhưng chỉ được vài tháng thì đã tổ chức cưới. Đã có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh V1.

Quá trình hôn nhân giữa anh và vợ anh là không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau liên tục.

Nguyên nhân: Là do giữa anh và vợ anh chưa có tìm hiểu kỹ về nhau, nên khi về chung sống cả hai mới phát hiện là hoàn toàn không có phù hợp tánh ý với nhau, sống không có được tiếng nói chung, kể cả trong việc làm ăn, sinh hoạt gia đình hàng ngày.

Mặc dù giữa anh và vợ anh cũng đã có góp ý để sửa đổi và để cho cơ hội cho nhau, nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả. Nên vào tháng 10 năm 2024 anh quyết định ly hôn và sống ly thân với vợ anh cho đến nay.

Xét thấy việc hôn nhân giữa anh và vợ anh Lê Thị Trúc M đến nay đã không còn có thể hàn gắn lại để vợ chồng tiếp tục chung sống lại với nhau về sau. Nên anh yêu cầu xin được ly hôn với vợ anh Lê Thị Trúc M để chính thức trả tự do cho nhau về sau.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Lê Thị Trúc M có đơn xin vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12 tháng 5 năm 2025, bị đơn chị Lê Thị Trúc M có ý kiến trình bày:**

Do quen biết chị và anh T tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh V1. Chị M xác định sau khi cưới không hợp nhau chị đề nghị ly hôn nhưng anh T không chịu về, chị giận nên không nộp đơn ly hôn nữa. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý; về con chung; tài sản chung; nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh T, chị M: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán,

Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị Trúc M xác định cưới nhau vào năm 2023, trước khi cưới cả hai có tự tìm hiểu nhau, nhưng chỉ được vài tháng thì đã tổ chức cưới. Đã có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh V1. Trong quá trình chung sống không hợp nhau nên anh T đề nghị ly hôn chị M. Theo biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2025, đối với yêu cầu ly hôn của anh T, chị M cũng đồng ý và xác định đã từng nộp đơn ly hôn nhưng anh T không chịu về nên chị không nộp đơn nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Trúc M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị M xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Trúc M có hộ khẩu thường trú ở khu phố Q, thị trấn G, huyện G, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Văn T và chị Lê Thị Trúc M có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện G đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý; tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh T và chị M là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh V1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2023 vào ngày 30 tháng 10 năm 2023. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen

biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Sau khi cưới về chung sống một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T nguyên nhân là do là do giữa anh và vợ anh chưa có tìm hiểu kỹ về nhau, nên khi về chung sống cả hai mới phát hiện là hoàn toàn không có phù hợp tánh ý với nhau, sống không có được tiếng nói chung, kể cả trong việc làm ăn, sinh hoạt gia đình hàng ngày.

Mặc dù giữa anh và vợ anh cũng đã có góp ý để sửa đổi và đề cho cơ hội cho nhau, nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả. Nên vào tháng 10 năm 2024 anh quyết định ly hôn và sống ly thân với vợ anh cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị M xin vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2025, đối với yêu cầu ly hôn của anh T, chị M cũng đồng ý và xác định đã từng nộp đơn ly hôn nhưng anh T không chịu về nên chị không nộp đơn nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M xin vắng mặt không tham dự cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2025, chị M xác định thống nhất theo đơn khởi kiện của anh T. Điều này thể hiện chị không mong muốn hàn gắn đoàn tụ, duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị. Đồng thời, từ khi ly thân hai anh, chị đã có thời gian để suy nghĩ nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Phía anh T có đơn xin xét xử vắng vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Trúc M. Do đó, đã đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của anh T và chị M đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn T xác định về con chung, tài sản chung, nợ chung không có. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2025, chị M cũng thống nhất xác định về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên đủ cơ sở xác định giữa anh T và chị M không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Trúc M.
2. Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013149 ngày 11/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K. Xem như anh T đã thi hành xong phần án phí.
4. Anh Trần Văn T, chị Lê Thị Trúc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã H;
- UBND thị trấn G;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc Giàu

